TRIỂN VỌNG QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - HOA KỲ SAU 15 NĂM BÌNH THƯỜNG HÓA QUAN HỆ

Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Kể từ khi bình thường hoá quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, hợp tác kinh tế giữa hai nước ngày càng gia tăng và không ngừng mở rộng. Đặc biệt, sau khi Hiệp định Thương mại Song phương Việt - Mỹ (BTA) được ký kết vào năm 2001, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã có bước chuyển biến tích cực và đánh dấu một giai đoạn mới trong quá trình phát triển quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước.

I. Nền tảng cho quan hệ kinh tế Việt - Mỹ

Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã có những bước đi quan trọng làm cơ sở định hướng chính sách trong quan hệ với Hoa Kỳ. Những cơ sở đó được ghi nhận rõ nét trong các Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ, nhân dịp các chuyến viếng thăm lẫn nhau của nguyên thủ quốc gia mỗi nước. Các bên đã ra nhiều tuyên bố khẳng định mong muốn xây dựng quan hệ đối tác xây dựng, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt, ổn định lâu dài giữa hai nước. Phía Mỹ cam kết tôn trọng chủ quyền, an ninh của Việt Nam, mở ra những cơ hội hợp tác mới giữa hai nước trên nhiều lĩnh vực. Đây chính là những nguyên tắc cơ bản nhất để hai nước tiếp tục tăng cường và phát triển các mối quan hệ với nhau.

Trong chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (tháng 6/2007), hai bên thống nhất rằng, mối quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ đang tiếp tục mở rộng và quan hệ hai nước đang được thúc đẩy phát triển lên một tầm cao mới. Hai bên cũng đã bàn những biện pháp để thúc đẩy hợp tác trong khu vực, và các biện pháp tăng cường thúc đẩy quan hệ song phương, cả về kinh tế thương mại, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, vấn đề nhân đạo và vấn đề chất độc điôxin. Hai bên Việt Nam và Hoa Kỳ đã trao đổi thẳng thắn, cởi mở những vấn đề mà hai nước còn có quan điểm khác biệt; nhất trí cho rằng cần tăng cường trao đổi, đối thoại để có sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Tổng thống Bush khẳng định: "Chúng tôi muốn có quan hệ tốt với

Việt Nam". Đáp lại, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết nói: "Hai dân tộc Việt - Mỹ đều muốn hoà bình, đoàn kết, và hữu nghị phải cùng nắm tay nhau đi tới tương lai".

Tuyên bố chung giữa Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (25/6/2008) giữa Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Tổng thống G. Bush trong dịp thăm chính thức Hoa Kỳ của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có nội dung như sau: "Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Tổng thống Bush cam kết có nỗ lực cụ thể nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ song phương đang ngày càng năng động". "Hai nhà Lãnh đạo nhất trí rằng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ được xây dựng trên cơ sở mối quan hệ hữu nghị tích cực và đang phát triển, tôn trọng lẫn nhau, và cùng cam kết hợp tác nhiều mặt mang tính xây dựng trên nhiều vấn đề để góp phần làm sâu rộng quan hệ vì lợi ích lâu dài của hai nước". "Hai nhà lãnh đạo cũng chia sẻ tầm nhìn và mục tiêu hướng tới một khu vực châu Á - Thái Bình Dương ổn định, an ninh, dân chủ, hoà bình và trao đổi về việc đóng góp của Việt Nam và Hoa Kỳ cho mục tiêu này trong tương lai". Hai nhà Lãnh đạo hoan nghênh việc tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại giữa hai nước,... Hai bên nhất trí rằng, quan hệ kinh tế và thương mại là quan trọng đối với quan hệ song phương. Hai nhà Lãnh đạo tuyên bố Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ khởi động đàm phán Hiệp định Đầu tư song phương (BIT), thể hiện sự cam kết của hai bên về đối xử công bằng, không phân biệt, minh bạch đối với đầu tư nước ngoài. Tổng thống Bush khẳng định Hoa Kỳ đang xem xét tích cực đề nghị của Việt Nam được tham gia chương trình Ưu đãi Thuế quan phổ cập (GSP) và Tổng thống ghi nhận đề nghị của Việt Nam về việc công nhận Quy chế Kinh tế thị trường. Hai nhà Lãnh đạo ghi nhận tầm quan trọng của những nỗ lực trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư tự do và cởi mở, kể cả triển vọng của một Khu vực Mậu dịch tự do châu Á - Thái Bình Dương. Hai nhà Lãnh đạo trao đổi việc mở rộng và tăng cường đối thoại giữa các quan chức cao cấp của hai nước. Hai nhà lãnh đạo ủng hộ việc lập cơ chế đối thoại mới về chính trị - quốc phòng và chính sách nhằm tăng cường sự trao đổi thường xuyên và sâu hơn về các vấn đề chiến lược và an ninh. Hai nhà lãnh đạo ghi nhận lợi ích của đối thoại thẳng thắn, cởi mở về các vấn đề liên quan tới nhân quyền và các quyền tự do cơ bản.

"Tổng thống Bush... tái khẳng định sự ủng hộ của Chính phủ Hoa Kỳ đối với chủ quyền quốc gia, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam".

Như vậy, những cơ sở định hướng chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ đã được xác định rõ ràng: quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ được xây

dựng trên cơ sở hữu nghị tích cực và đang phát triển, tôn trọng lẫn nhau, và cùng cam kết hợp tác nhiều mặt mang tính xây dựng trên nhiều vấn đề để góp phần làm sâu rộng quan hệ vì lợi ích lâu dài của hai nước, cam kết có nỗ lực cụ thể nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ song phương đang ngày càng năng động. Hoa Kỳ ủng hộ đối với chủ quyền quốc gia, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Và những cơ sở pháp lý cho quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ cũng đã được hai bên xác định rõ ràng: BTA, PNTR, TIFA, tiến tới BIT, GSP, FTA,... Đây là những định hướng quan trọng, đúng đắn về nhận thức đối với mối quan hệ Việt Nam -Hoa Kỳ. Có thể coi đây là sự hoàn tất các cơ sở quan hệ kinh tế song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, bảo đảm cho mối quan hệ hướng này tới đối tác kinh tế chiến lược.

II. Những thành quả đạt được

Có thể nói, quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ, nhất là từ khi thực hiện Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ, đã có tác động khá toàn diện đến sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế Việt Nam và đó cũng là một trong những điều kiện bảo đảm nhịp độ tăng trưởng cao của nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua. Việc ký kết và thực hiện Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ giúp cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam không bị phân biệt đối xử tại thị trường Hoa Kỳ, mang lại cơ hội mở rộng giao lưu thương mại cho cả hai bên, nhanh chóng đưa Hoa Kỳ trở thành thị trường hàng đầu cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Nếu như năm 2001, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước mới chỉ đạt 1,4 tỷ USD thì đến năm 2009, con số đó đã đạt hơn 15 tỷ USD, đưa Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Hoa Kỳ cũng đã trở thành nhà đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư năm 2009 đạt 9,8 tỷ USD[1]. Kết quả này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác, phát triển kinh tế thương mại bền vững giữa hai nước, mà còn khẳng định vị thế, môi trường kinh doanh ngày càng phù hợp với chuẩn mực quốc tế của Việt Nam.

Sự tăng trưởng vượt bậc như vậy của trao đổi thương mại và đầu tư giữa hai nước đã phản ánh khá rõ nét tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Việt Nam, cũng như việc các công ty của Hoa Kỳ có mối quan hệ khá hiệu quả trong hợp tác kinh tế với Việt Nam, nhất là trong các vấn đề liên quan đến việc cung cấp máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, công nghệ, kỹ năng quản lý, đào tạo và cầu nối xuất nhập khẩu và giao lưu... cho các ngành kinh tế quốc dân đang phát triển rất nhanh chóng của Việt Nam.

Về thương mại

Theo số liệu Thống kê Hải quan cho thấy, nếu như trong năm 2005 và 2006, tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường

Hoa Kỳ chỉ đạt tương ứng 5,91 tỷ USD và 7,83 tỷ USD thì đến năm 2007, tổng trị giá hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đã vượt con số 10 tỷ USD. Năm 2008, tuy chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc suy thoái kinh tế bắt đầu tại Hoa Kỳ vào tháng 12/2007 và tiếp đến là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu từ giữa năm 2008, nhưng quan hệ thương mại giữa hai nước vẫn có những dấu hiệu khả quan. Tổng kim ngạch buôn bán hàng hóa hai chiều trong năm 2008 đạt 14,5 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2007. Sang đến năm 2009, mặc dù tiếp tục gặp nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất thế giới này vẫn đạt được 11,36 tỷ USD, giảm 4,3% so với kết quả thực hiện của một năm trước đó. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường nhập khẩu hàng hoá lớn nhất của các nhà xuất khẩu Việt Nam.

Biểu đồ: Quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn năm 2005 - 2009 và quý I/2010

Triệu USD

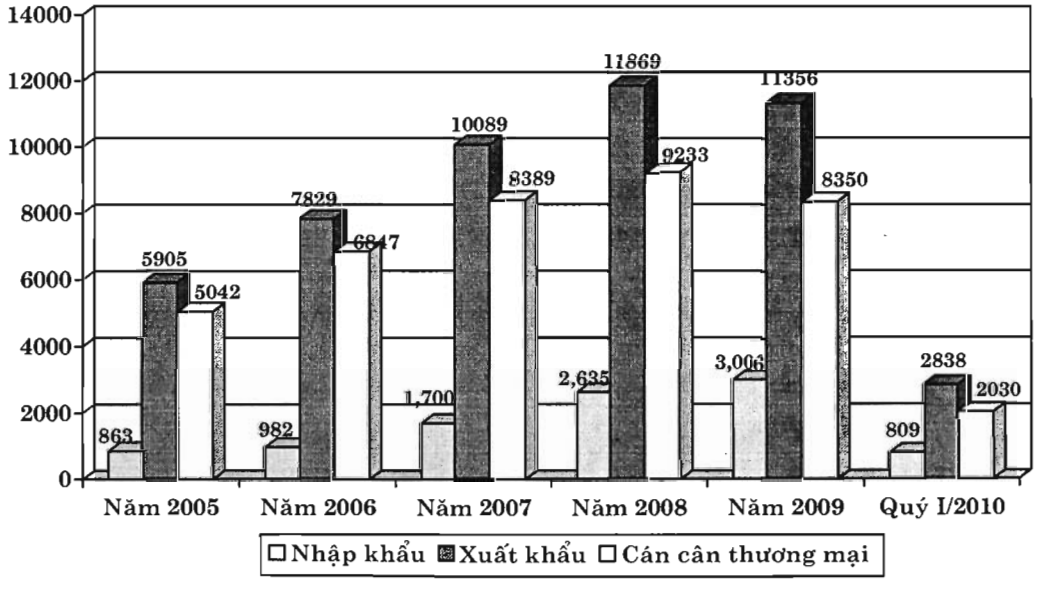

Nguồn: *Tổng cục Hải Quan.*

Trong quý I/2010, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam với Hoa Kỳ có nhiều dấu hiệu lạc quan. So với cùng kỳ các năm trước, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam quý I/2010 sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Số liệu thống kê mới nhất của Tổng cục Hải quan cho thấy trong quý I/2010, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam với tổng trị giá đạt gần 2,84 tỷ USD, tăng mạnh 23,2% so với cùng thời gian năm trước và chiếm tới 19,6%

tổng kim ngạch xuất khẩu của tất cả các doanh nghiệp Việt Nam. Ở chiều ngược lại, trong quý I/2010, tổng trị giá hàng hoá nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ đạt 809 triệu USD, tăng mạnh và đạt 77,8% so với cùng kỳ của năm trước. Nguyên nhân chính khiến kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này tăng mạnh là do giá trị hàng nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng đột biến với 139 triệu USD, tăng 120 triệu USD so với quý I/2009.

Nếu duy trì đà tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân quý I/2010, tổng kim ngạch trao đổi hàng hoá giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm 2010 ước có thể đạt lên đến con số 19 tỷ USD, thậm chí con số này có thể lên đến 20 tỷ USD; trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa có thể đạt hơn 14 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt hơn 5 tỷ USD.

Trong năm 2009, Hoa Kỳ vượt qua Nhật Bản để trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam. Số liệu Thống kê Hải quan ghi nhận từ năm 2003 đến nay, Hoa Kỳ luôn luôn là thị trường giành vị trí quán quân về tiêu thụ hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam với tỷ trọng trung bình giai đoạn 2005 - 2009 chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đồng thời, Hoa Kỳ cũng là một trong những thị trường chính (đứng ở vị trí thứ 7) cung cấp hàng hóa cho các nhà nhập khẩu Việt Nam. Tỷ trọng bình quân nhập khẩu từ Hoa Kỳ cả giai đoạn 2005-2009 chiếm khoảng 3% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước từ tất cả các thị trường. Như vậy, tính chung cho cả xuất nhập khẩu thì từ năm 2005-2008 Hoa Kỳ là đối tác thương mại lớn thứ ba của các công ty Việt Nam. Nhưng sang năm 2009, Hoa Kỳ đã vượt qua Nhật Bản vươn lên vị trí thứ hai, chỉ sau Trung Quốc.

Bảng 1: Kim ngạch, tỷ trọng và thứ hạng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm 2009

Chỉ tiêu	Xuất nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Tính toán trên nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam			
Tổng kim ngạch (tỷ USD)	14,36	11,36	3,00
Thứ hạng của Hoa Kỳ trong tổng số tất cả các khu vực thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam	2	1	7
Tỷ trọng so với tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (%)	11,4	20,2	4,3
Tính toán trên nguồn số liệu của Cơ quan Thống kê Hoa Kỳ			
Thứ hạng của Việt Nam trong tổng số tất cả các khu vực thị trường xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ	30	45	26
Tỷ trọng so với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ (%)	0,6	0,3	0,8

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam và Cơ quan Thống kê Hoa Kỳ.

Bảng số liệu trên cho thấy, Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ hàng hoá lớn nhất và là thị trường cung cấp hàng hóa lớn thứ 7 cho Việt Nam. Nhưng ở chiều ngược lại, trị giá buôn bán hai chiều giữa Việt Nam với thị trường này chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ. Cụ thể, về thứ hạng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam so với các khu vực thị trường xuất nhập khẩu khác của Hoa Kỳ thì Việt Nam chỉ đứng ở vị trí thứ 30 với thị phần 0,6%. Trong đó, Việt Nam là nhà xuất khẩu đứng thứ 45 sang Hoa Kỳ với tỷ trọng 0,3% và là thị trường đứng thứ 26 nhập khẩu hàng hóa từ Hoa Kỳ với tỷ trọng là 0,8%.

Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam trong buôn bán giữa hai nước luôn duy trì mức thặng dư lớn. Trong nhiều năm qua, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam luôn ở trạng thái nhập siêu và mức nhập siêu ngày càng tăng nhưng ngược lại trong quan hệ thương mại với Hoa Kỳ - *cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam luôn duy trì mức thặng dư.* Cụ thể trong năm 2005, Việt Nam xuất siêu sang Hoa Kỳ 5,04 tỷ USD; sang năm 2008 con số này là 9,23 tỷ USD; trong năm 2009, do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế tại Hoa Kỳ và trên phạm vi toàn cầu, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ giảm so với một năm trước đó trong khi nhập khẩu từ thị trường này lại tăng nên xuất siêu của Việt Nam đạt 8,35 tỷ USD, tương đương mức nhập siêu của năm 2007.

Bảng 2: Kim ngạch, tốc độ tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hóa Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 2005 - 2009

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Xuất khẩu					
Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hoa Kỳ (triệu USD)	5.905	7.829	10.089	11.869	11.356
Tốc độ tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ (%)	-	32,6	28,9	17,6	- 4,3
Tốc độ tăng/giảm xuất khẩu của cả nước (%)	-	22,8	21,9	29,1	-8,9
Nhập khẩu					
Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Hoa Kỳ (triệu USD)	863	982	1.700	2.635	3.006
Tốc độ tăng/giảm nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ (%)	-	13,8	73,1	55,0	14,1
Tốc độ tăng/giảm nhập khẩu của cả nước (%)	-	21,4	39,6	28,8	-13,3
Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam với Hoa Kỳ (XK-NK) (triệu USD)	5.042	6.847	8.389	9.233	8.350
Cán cân thương mại hàng hóa với tất cả các nước trên thế giới (XK-NK) (triệu USD)	-4.540	-5.065	-14.121	-18.029	- 12.853

Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong những năm qua bao gồm hàng dệt may, gỗ và sản phẩm gỗ, giày dép các loại, dầu thô, hàng hải sản, máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện,...

Hoa Kỳ cũng là một trong những thị trường lớn nhất về nhập khẩu một số mặt hàng chính của nước ta giai đoạn 2005-2009 như sau: dệt may (chiếm 55% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước); giày dép (chiếm 23%), gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 33%),...

Bảng 3: Kim ngạch, tỷ trọng một số nhóm hàng chính Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ năm 2009 và quý I/2010

Chỉ tiêu	Kim ngạch (triệu USD)		Tỷ trọng 1 (%)		Tỷ trọng 2 (%)		Tăng/giảm so với năm trước (%)	
Năm / Tên hàng	2009	Quý I/2010	2009	Quý I/2010	2009	Quý I/2010	2009	Quý I/2010/ Quý I/2009
Hàng dệt may	4.995	1.288	44,0	45,4	55,1	57,9	-2,2	23,0
Gỗ & sản phẩm gỗ	1.100	279	9,7	9,8	42,4	37,4	3,4	37,2
Hàng giày dép	1.039	263	9,1	9,3	25,5	26,2	-3,4	6,3
Dầu thô	470	78	4,1	2,7	8,2	6,2	-52,9	-17,5
Hàng thủy sản	711	143	6,3	5,0	16,8	16,0	-3,8	26,5
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	433	124	3,8	4,4	15,7	17,7	42,0	42,9
Hạt điều	255	42	2,2	1,5	30,1	26,6	-4,8	-4,2
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	224	62	2,0	2,2	30,7	33,4	-4,7	46,6
Cà phê	197	60	1,7	2,1	11,4	12,5	-6,5	-9,5
Hàng hóa khác	1.932	499	17,0	17,6	7,6	7,3	5,7	38,7
Tổng kim ngạch	**11.356**	**20838**	**100**	**100**	**19,9**	**19,6**	**-4,3**	**23,1**

Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Ghi chú: Tỷ trọng 1: tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng đó trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ.

Tỷ trọng 2: tỷ trọng xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng đó của Việt Nam.

Hàng dệt may: là một trong những mặt hàng thế mạnh của Việt Nam, có đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đây cũng là nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt

Nam sang Hoa Kỳ (khoảng 43% trong giai đoạn 2005-2009). Sản phẩm dệt may của Việt Nam đang ngày càng thu hút được sự chú ý của các nhà nhập khẩu và được Uỷ ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC) nhận định: Việt Nam là một trong những nước hàng đầu ở châu Á có khả năng cạnh tranh được với Trung Quốc trong lĩnh vực dệt may. Hiệp hội Nhập khẩu Dệt may Hoa Kỳ cũng cho biết, Việt Nam là sự lựa chọn thứ hai của các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ sau Trung Quốc khi tìm kiếm nguồn cung cấp hàng từ châu Á. Đặc biệt khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO nên không còn chịu sức ép về hạn ngạch khi xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường này. Số liệu thống kê cho thấy, một điểm đáng lưu ý là trong nhóm hàng này tỷ trọng hàng gia công rất cao, chiếm hơn 1/2 tổng trị giá nhóm hàng này Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Gỗ & sản phẩm gỗ: Với nguồn cung dồi dào, nguồn nhân lực sẵn có, ngành công nghiệp nhẹ chế biến gỗ đang trên đà phát triển hơn với tỷ trọng dao động quanh mức khoảng 10%. Vị trí đóng góp vào tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ của nhóm hàng này cũng được cải thiện đáng kể. Cụ thể, nhóm hàng này đứng vị trí thứ 8-9 sắp theo thứ tự giảm dần của các năm 2003, 2004 thì lần lượt đến các năm 2005, 2006, sản phẩm này vươn lên vị trí thứ tư trong bảng xếp hạng và vươn lên vị trí thứ hai trong năm 2009.

Giày dép: Cùng nằm trong nhóm hàng công nghiệp nhẹ như dệt may, sản phẩm giày dép có mức xuất khẩu tăng trưởng khá qua các năm giai đoạn 2005-2009. Tuy nhiên, so với trị giá xuất khẩu hàng giày dép của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu (EU27) thì vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của cả hai nước. Tổng trị giá xuất khẩu hàng giày dép sang Hoa Kỳ chỉ bằng 1/3 kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang thị trường EU. Do đó, trong thời gian tới các doanh nghiệp giày dép cần đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường tiềm năng rất lớn này.

Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Hoa Kỳ trong những năm qua bao gồm máy móc thiết bị & dụng cụ phụ tùng, bông các loại, chất dẻo nguyên liệu, thức ăn gia súc & nguyên liệu, nguyên phụ liệu dệt may da giày, ...

Trong giai đoạn 2005 - 2009, cơ cấu mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ luôn đứng đầu là nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng và chiếm tỷ trọng khoảng 1/5 tổng trị giá hàng hoá Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ.

Bảng 4: Kim ngạch, tỷ trọng một số nhóm hàng chính Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ năm 2009 và quý I/2010

Chỉ tiêu	Kim ngạch (triệu USD)		Tỷ trọng 1 (%)		Tỷ trọng 2 (%)		Tăng/giảm so với năm trước (%)	
Năm Mặt hàng	2009	Quý I/2010	2009	Quý I/2010	2009	Quý I/2010	2009	Quý I/2010/ Quý I/2009
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	716	154	23,8	19,0	5,7	5,3	68,9	15,8
Ô tô các loại	268	22	8,9	2,7	21,3	13,9	4,9	14,6
Bông các loại	192	46	6,4	5,7	48,9	30,8	-1,5	69,0
Chất dẻo nguyên liệu	147	32	4,9	4,0	5,2	4,2	-6,4	79,3
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	176	139	5,9	17,2	10,0	22,6	25,5	631,7
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	77	30	2,6	3,7	4,0	5,8	-42,1	138,4
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	89	27	3,0	3,3	2,3	2,7	-31,3	73,9
Gỗ và sản phẩm gỗ	104	34	3,5	4,2	11,5	15,4	-15,7	103,0
Sữa và sản phẩm sữa	46	23	1,5	2,8	8,9	13,4	-27,6	120,5
Sản phẩm hóa chất	93	27	3,1	3,3	5,9	6,4	66,6	64,2
Hàng hóa khác	1.098	275	36,5	34,0	2,6	2,5	14,6	65,2
Tổng kim ngạch	**3.006**	**809**	**100**	**100**	**4,3**	**4,5**	**14,1**	**77,8**

Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Ghi chú: Tỷ trọng 1: tỷ trọng nhập khẩu nhóm hàng đó trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ.

Tỷ trọng 2: tỷ trọng nhập khẩu từ Hoa Kỳ trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng đó của Việt Nam.

Như vậy, có thể nói, mặc dù trị giá buôn bán hàng hóa của Việt Nam với Hoa Kỳ trong những năm vừa qua có nhiều dấu hiệu lạc quan, nhưng trong thời gian tới để có thể tăng thị phần xuất khẩu vào thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất thế giới này, các doanh nghiệp Việt Nam cần thúc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang Hoa Kỳ, đồng thời tăng cường hơn nữa các hoạt động xúc tiến thương mại giữa hai nước trong các khuôn khổ: doanh nghiệp-doanh nghiệp, diễn đàn-diễn đàn, hiệp hội-hiệp hội, cơ quan chính phủ-cơ quan chính phủ và cao hơn nữa là giữa Chính phủ của hai nước. Một điểm đáng chú ý là, *xuất khẩu của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Việt Nam sang thị trường này chiếm hơn 60% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, nhưng nhập khẩu của các doanh*

nghiệp FDI từ thị trường này chiếm tỷ trọng chưa đến 1/3. Mặt khác, từ trước đến nay các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu chỉ làm hàng gia công cho những đối tác thương mại của Việt Nam sau đó xuất khẩu Hoa Kỳ. Số liệu Thống kê Hải quan mới nhất cho thấy, *trị giá hàng gia công chiếm hơn 1/4 tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang thị trường này*. Do đó, các nhà xuất khẩu Việt Nam cần nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm, đồng thời phải quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng thương hiệu, nhằm tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường và tạo niềm tin tốt hơn đối với người tiêu dùng ở thị trường có tiềm năng rất lớn này.

Về quan hệ đầu tư

Từ khi Việt Nam tiến hành Đổi mới và có Luật đầu tư nước ngoài, Mỹ là một trong những nước đầu tư vào Việt Nam chậm nhất do lệnh cấm vận của chính quyền Mỹ đối với Việt Nam. Trong 5 năm, từ năm 1988 đến năm 1993, do còn bị cấm vận, số dự án của các công ty Mỹ vào Việt Nam chỉ là 10 với số vốn là 23 triệu USD, trong khi đó, tổng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn này là 836 dự án với tổng số vốn là 7,5 tỷ USD.

Tuy nhiên, từ năm 1991, khi chính phủ Mỹ nới lỏng cấm vận, các công ty Mỹ đã được phép tổ chức các phái đoàn sang làm việc tại Việt Nam. Nhờ đó, rất nhiều đoàn kinh doanh đã sang Việt Nam tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Cuối năm 1993, Cơ quan kiểm soát tài sản nước ngoài của Mỹ đã thông qua cơ chế kiểm soát, cấp phép cho từng trường hợp và đã cấp phép cho 160 công ty được phép hoạt động tại Việt Nam. Đến cuối năm 1994, đã có 60 văn phòng đại diện của các công ty Mỹ hoạt động tại Việt Nam. Đến giữa năm 1995 số văn phòng đã tăng lên gấp đôi và đến năm 1996 đã tăng lên gấp 5 lần.

Sau khi Tổng thống B. Clinton tuyên bố bỏ cấm vận đối với Việt Nam, mặc dù không có sự đầu tư ồ ạt vào Việt Nam, nhưng các hoạt động đầu tư của các công ty Mỹ đã có bước phát triển nhanh chóng. Chỉ riêng năm 1994, năm đầu tiên Mỹ bỏ cấm vận Việt Nam, đã có 12 dự án đầu tư với tổng số vốn là 120 triệu USD so với 10 dự án của 5 năm trước. Trong danh sách các nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam thời điểm đó, Mỹ xếp thứ 14. Sang năm 1995, Tổng thống Mỹ tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, việc đầu tư của Mỹ vào Việt Nam đã có bước chuyển biến lớn với 19 dự án và tổng số vốn lên tới 397 triệu USD.

Đến năm 2000 đánh dấu một cột mốc mới trong quan hệ Việt - Mỹ đó là Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết. Tuy nhiên, trong thời gian này, cùng với xu thế chung về sự giảm sút thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam, vốn đầu tư của Mỹ giảm xuống 81 triệu USD. Sang năm 2001, khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực, tổng vốn đầu tư của Mỹ đã tăng lên rất nhanh. Điều này được thể

hiện qua quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ có những bước phát triển mới và Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã có những tác động tích cực đến các doanh nghiệp Mỹ.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hoa Kỳ đã tăng nhanh kể từ khi thực hiện Hiệp định Thương mại vào năm 2001. Trung bình vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện hàng năm liên quan đến Hoa Kỳ tăng gấp đôi trong giai đoạn từ năm 2002 đến 2008 so với giai đoạn từ năm 1996 đến 2001. Cho tới năm 2005-2006, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện liên quan đến Hoa Kỳ chiếm 20% trong tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện được rót vào Việt Nam, gấp đôi tỷ lệ trước khi có Hiệp định Thương mại. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài liên quan đến Hoa Kỳ tăng kể từ khi có Hiệp định Thương mại cũng là một yếu tố làm tăng tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Tính đến hết ngày 20/10/2009, Hoa Kỳ đứng thứ 7 trong các quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam với 479 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký 12,804 tỷ USD, vốn điều lệ 2,254 tỷ USD.

Trong giai đoạn 2001-2008, nguồn vốn FDI từ Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam không chỉ liên tục tăng về số dự án, số vốn đầu tư mà cả vốn điều lệ cũng tăng rất nhanh. Điều này được thể hiện ở số dự án tăng từ con số 24 dự án năm 2001, lên 55 dự án năm 2005 và đạt 81 dự án năm 2008, đưa tổng số dự án đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam trong giai đoạn này đạt con số 372 dự án. Tổng số vốn đầu tư tăng từ 102,4 triệu USD năm 2001, lên 286 triệu, đặc biệt trong năm 2006 lượng vốn đầu tư đạt con số kỷ lục 4.706,7 triệu USD, sau đó lại giảm rất mạnh và đạt 1.916,1 triệu USD vào năm 2008, đưa tổng số vốn đầu tư FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam trong giai đoạn này đạt con số 7.771,4 triệu USD. Vốn pháp định cũng tăng từ 48,7 triệu USD năm 2001 lên 685 triệu USD năm 2008, tổng số vốn pháp định trong cả giai đoạn đạt 1.727,0 triệu USD.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hoa Kỳ vào Việt Nam là một trong những nguồn đầu tư trực tiếp tương đối lớn so với nhiều quốc gia khác trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2008. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hoa Kỳ là nguồn vốn được thực hiện lớn nhất rót vào Việt Nam hai năm 2003 và 2004, 2006 và 2007, vượt qua cả EU, Nhật Bản, Singapore. Trong năm 2003, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hoa Kỳ đã đạt được sự gia tăng vượt bậc lên thứ hai trong tất cả các quốc gia đầu tư vào Việt Nam, chỉ đứng sau Nhật Bản, và những năm tiếp theo, Hoa Kỳ luôn duy trì vị trí trong nhóm 10 nước và vùng lãnh thổ đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam. Điều này cho thấy, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hoa Kỳ vào Việt Nam đã tăng mạnh sau khi có Hiệp định thương mại Việt-Mỹ.

Bảng 5: Số liệu thu hút FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam giai đoạn 2001-2008

Triệu USD

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Số dự án	24	35	24	27	55	56	70	81
Tổng vốn đầu tư	102,4	192,1	73,5	83,8	286,4	4.706,7	410,4	1.916,1
%		87,6	-61,7	14,0	241,8	1.543,4	-91,3	366,9
Tổng vốn điều lệ	48,7	71,5	30,7	48,6	148,7	496,7	196,7	685,4
%		46,8	-57,1	58,3	205,9	234,0	-60,4	248,5

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2009

Tuy nhiên, vấn đề không phải là đầu tư trực tiếp nước ngoài của quốc gia nào đạt được mức tăng trưởng nhanh nhất, mà vấn đề là đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hoa Kỳ và đầu tư trực tiếp nước ngoài của nhiều nước khác đã tăng mạnh trong giai đoạn 2005 và 2006, qua đó cho thấy môi trường pháp lý và chính sách của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể, như là hệ quả của việc thực thi Hiệp định Thương mại, thành công của các cuộc thương lượng gia nhập WTO, công cuộc cải cách pháp lý sâu rộng hơn trong toàn hệ thống của Việt Nam và niềm tin rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ còn tăng trưởng nhanh chóng.

Đầu tư FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam thời gian qua góp phần quan trọng trong việc bổ sung nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, nguồn vốn FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam cũng góp phần không nhỏ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp.

FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam đã đóng một vai trò quan trọng cho sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và cho ngành công nghiệp nói riêng, trong đó từng bước trở thành nguồn đầu tư quan trọng của Quốc gia, góp phần phát triển các ngành công nghiệp và tạo công ăn việc làm cho người lao động. Nhiều công trình lớn đã hoàn thành đưa vào sản xuất, phát huy hiệu quả đầu tư, nhiều công trình trọng điểm làm cơ sở cho tăng trưởng giai đoạn sau đó được khởi công và đẩy nhanh tiến độ, nhất là các công trình điện, dầu khí, công nghiệp nặng, công nghiệp phục vụ xuất khẩu... FDI từ Hoa Kỳ cũng đã tạo ra nhiều ngành công nghiệp mới và tăng cường năng lực của nhiều ngành công nghiệp như: công nghệ thông tin, hoá chất, ô tô, xe máy, thép, điện tử và điện tử gia dụng, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, da giày, dệt may... Bên cạnh đó, góp phần hình thành và phát triển trong cả nước hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao tương đối đồng bộ và hiện đại, đem

lại hiệu quả sử dụng đất cao hơn ở một số địa phương đất đai kém màu mỡ.

Có thể cho rằng, so với xu hướng quan hệ thương mại xuất nhập khẩu luôn đi lên, quan hệ đầu tư mới bắt đầu có khởi sắc trong những năm gần đây và cần phải được củng cố hơn trong những năm tới.

III. Triển vọng quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ luôn chịu những tác động từ các mối quan hệ kinh tế quốc tế và khu vực. Có thể kể đến những nhân tố như vai trò quốc tế và khu vực của các nước lớn, chẳng hạn các mối quan hệ Mỹ - Trung, Mỹ - Nhật, Nhật – Trung,... đều có tác động đến quan hệ Việt - Mỹ; những thể chế quốc tế (chẳng hạn các quy định của WTO, của IMF hay WB đều có tác động đến hoạt động kinh tế của một nước, và các tổ chức này đều có liên quan chặt chẽ với Hoa Kỳ) và khu vực (ví dụ những quy định về tiến trình tự do hoá thương mại của AFTA); sự phát triển của chính nước Mỹ, cũng như sự phát triển của Việt Nam,... đều có tác động mạnh đến quan hệ giữa hai nước. Các mối quan hệ kinh tế quốc tế và khu vực được chi phối bởi quá trình phát triển, đan xen lẫn nhau giữa những lợi ích kinh tế - chính trị, vì vậy nếu không có sự nhận thức đúng đắn và có những bước đi phù hợp, thì khó có thể có sự phát triển bền vững trong quan hệ kinh tế giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ. Việc Việt Nam có được một Hiệp định Thương mại với Mỹ, chính là một bước tiến lớn trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Thực tế cho thấy, một trong những nhân tố quan trọng nhất tác động đến triển vọng quan hệ kinh tế Việt - Mỹ chính là những thành tựu của Việt Nam trong quá trình thực hiện Đổi mới và những tác động của nó đến việc mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế. Những thành tựu Đổi mới tuy không được trình bày ở đây, nhưng nhờ những thành tựu này mà Việt Nam đã mở rộng được các quan hệ kinh tế quốc tế của mình, Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế. Những thành tựu Đổi mới tác động đến mối quan hệ Việt - Mỹ ít nhất ở hai khía cạnh quan trọng. *Trước hết,* việc thực hiện Đổi mới đã làm cho tiềm lực kinh tế của Việt Nam lớn mạnh hơn trước, điều đó vừa tạo điều kiện, vừa bắt buộc Việt Nam phải mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại của mình để tiếp tục phát triển đất nước, vì Việt Nam càng phát triển, càng cần có thị trường để bán sản phẩm, cần vốn, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu...; *thứ hai,* vị thế chính trị quốc tế của Việt Nam trên thế giới và khu vực được nhiều nước trên thế giới đánh giá cao hơn trước, Việt Nam đã thiết lập các mối quan hệ song phương và đa phương với nhiều nước và tổ chức quốc tế; như vậy, thế và lực của Việt Nam đã khác với thời kỳ chiến tranh và thời kỳ bị Mỹ cấm vận hoàn

toàn. Chính trên vị thế mới, mối quan hệ song phương Việt - Mỹ được thiết lập và tất yếu phải khác hơn trước.

Một nhân tố nữa cũng không kém phần quan trọng đó chính là sự phát triển của nước Mỹ có ảnh hưởng rất nhiều đến quan hệ Việt - Mỹ. Hiện nay, nền kinh tế Mỹ đang trong giai đoạn phát triển khó khăn, giảm sút và đang phục hồi sau khủng hoảng tài chính tiền tệ vừa qua; Mỹ cũng đang tiến hành chống lại nạn khủng bố, sau tái thiết Iraq và thực hiện cuộc chiến ở Afghanistan.

Thực tế gần 10 năm qua cho thấy, cuộc khủng bố ngày 11/9/2001 vào nước Mỹ đã làm cho kinh tế - xã hội Mỹ gặp những khó khăn to lớn, Mỹ đã phải dính líu vào cuộc chiến tranh không có kết thúc sớm với nạn khủng bố quốc tế. Điều này có thể khiến Mỹ phải coi tập trung phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh trong nước là nhiệm vụ chính. Tuy nhiên, Mỹ cũng không thể đứng ngoài các vấn đề toàn cầu, đứng ngoài vòng thương lượng mới của WTO, đứng ngoài các vấn đề chống ma tuý, chống khủng bố, nghèo đói, bệnh tật, bảo vệ môi trường... Trong bối cảnh chung đó, những nhân tố này có thể có những ảnh hưởng tích cực, hoặc tiêu cực đến mối quan hệ Việt - Mỹ trong tương lai.

Có thể nói, sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện của quan hệ Việt - Mỹ trong 15 năm qua là một thành công đáng kể của cả hai nước. Giờ đây khi những di sản của quá khứ đã lùi xa, việc phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế Việt - Mỹ tới mức độ nào là hoàn toàn phụ thuộc vào "lựa chọn" chủ quan của cả hai nước. Đương nhiên, lựa chọn hợp tác giữa hai nước phải phù hợp với lợi ích quốc gia của mỗi bên. Xét trên góc độ này, cả Mỹ và Việt Nam đều có đầy đủ cơ sở cho sự lựa chọn hợp tác giữa hai nước một cách mạnh mẽ và toàn diện hơn nữa.

Trước tiên phải kể đến lợi ích chính trị của cả hai nước khi phát triển hơn nữa quan hệ song phương. Nếu như đối với Việt Nam quan hệ với Mỹ có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao vị thế của mình cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp phát triển kinh tế thì đối với Mỹ, việc phát triển quan hệ chính trị với Việt Nam cũng có ý nghĩa ngày càng quan trọng. Với một vị thế không ngừng lớn mạnh trên trường quốc tế, Việt Nam xứng đáng có một vị trí cao hơn trong chiến lược của Mỹ, đặc biệt là ở khu vực châu Á - Thái Bình dương, nơi cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc được dự báo sẽ ngày càng gay gắt hơn trong tương lai. Chính vì vậy, quan hệ tốt hơn với Việt Nam sẽ có lợi cho Mỹ trong việc duy trì ảnh hưởng của mình ở khu vực.

Về kinh tế, một điều rõ ràng là quan hệ kinh tế với Mỹ, với tư cách là đối tác thương mại lớn nhất và nhà đầu tư hàng đầu vào Việt Nam, thực sự mối quan hệ này có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa và phát

triển đất nước. Tuy nhiên, Việt Nam với một nền kinh tế năng động, thị trường lớn nhiều tiềm năng cùng nhiều cơ hội chưa được khai phá, cũng cần được Mỹ coi là một đối tác quan trọng về kinh tế. Ngoài ra, việc Mỹ phát triển hơn nữa quan hệ kinh tế với Việt Nam cũng sẽ thúc đẩy quá trình phát triển nền kinh tế thị trường ở đây. Điều này phù hợp với chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường và mở rộng các giá trị tự do, dân chủ của Mỹ trên toàn cầu.

Như vậy, chúng ta có thể thấy, quan hệ Việt - Mỹ đang đứng trước những cơ hội mới để phát triển mạnh mẽ hơn nữa trên lĩnh vực kinh tế. Mục tiêu mà hai bên đặt ra và cần vươn tới trong tương lai là xây dựng quan hệ đối tác mang tính hữu nghị, hợp tác nhiều mặt, trên nền tảng rộng lớn, ổn định và hiệu quả của hai nước. Quan hệ Việt - Mỹ đã từng trải qua những giai đoạn khó khăn do những di sản của lịch sử để lại. Giờ đây, khi những lựa chọn chủ quan có thể thay thế những vấn đề của quá khứ để quyết định quan hệ song phương, thì quan hệ Việt - Mỹ sẽ có những cơ hội phát triển mạnh mẽ và toàn diện, để bước vào một thời kỳ mới tươi sáng hơn ■

Tài liệu tham khảo:

1. Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam - Hoa Kỳ trên đà phát triển. http://www.customs.gov.vn/
2. Kim ngạch NK từ Hoa Kỳ 2 tháng đầu năm 2010 tăng 66,44% http://www.thuongmai.vn/index.
3. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ năm 2009 giảm 4,3% http://www.vn-seo.com/kim-ngach-xuat-khau-cua-viet-nam-sang-hoa-ky-nam-2009-giam-43/
4. Quan hệ Việt - Mỹ: Định mệnh và lựa chọn, http://www.vietland.net/main/showthread.php?p=18157
5. Mỹ: Chính sách Đông Á cần phải thay đổi http://vitinfo.com.vn/Muctin/Kinhte/Chinhsach/LA67343/default
6. Thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển hơn nữa http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/ns070618162411/view
7. Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ chuyển biến tích cực http://www.tinkinhte.com/nd5/detail/viet-nam/tu-lieu-quan-he-quoc-te/
8. Tiếp tục thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ http://www.mt.gov.vn/PrintView.aspx?ArticleID=5785
9. Quan hệ Việt - Mỹ đã tiến một bước dài http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/
10. Bộ Công Thương, 2008, *Diễn đàn thương mại và đầu tư Việt Nam sau khi gia nhập WTO*, tháng 1, Hà Nội.
11. Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ, 2007, *Xuất khẩu sang Hoa Kỳ - Những điều cần biết.*
12. Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay, các số năm 2008 và năm 2009.

Chú thích:

1) http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Quan-he-VietMy-ngay-cang-coi-mo-trong-nhieu-linh-vuc